

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **18** /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **14** tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã
dôi dư do bố trí, sắp xếp lại từ ngày 25/6/2019 đến ngày 31/12/2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của
Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ,
công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên
trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt
động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và
người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chức danh, số lượng, mức phụ
cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với
những người hoạt động không chuyên trách, mức bồi dưỡng người trực tiếp
tham gia vào công việc của thôn, buôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt
động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp
xã và mức hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã
dôi dư trên địa bàn tỉnh;*

*Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ thôi*

việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do bố trí, sắp xếp lại từ ngày 25 tháng 6 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 93/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do bố trí, sắp xếp lại từ ngày 25/6/2019 đến ngày 31/12/2021

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, 05 chức danh cán bộ làm việc tại cấp xã nhưng không coi là người hoạt động không chuyên trách quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở dôi dư do bố trí, sắp xếp lại từ ngày 25/6/2019 đến ngày 31/12/2021 (từ ngày Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành đến trước thời điểm Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách, mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, buôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư trên địa bàn tỉnh có hiệu lực thi hành) được hưởng hỗ trợ thôi việc theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND.

2. Tổng số đối tượng hỗ trợ là 219 người.

3. Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện 1.588.056.900 đồng, do ngân sách tỉnh đảm bảo. Việc hỗ trợ áp dụng theo mức lương cơ sở tại thời điểm nghỉ việc (nội dung chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm Nghị quyết). Đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phát sinh sau khi Nghị quyết được ban hành, các huyện, thị xã, thành phố tự bố trí ngân sách địa phương để hỗ trợ theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Nội vụ, Sở Tài chính;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- HĐND, UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- TT Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, Phòng CT.HĐND.25

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Chiến Hòa

(Kèm theo Nghị quyết số **18** /NQ-HĐND ngày **14** tháng **7** năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh và đơn vị công tác	Thời gian bắt đầu giữ chức danh	Thời gian nghỉ việc	Số tháng, năm đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc	Mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp khu vực Tây Nguyên)	Mức hỗ trợ thôi việc	Lương cơ sở (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ									
A	Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ việc do dôi dư (trừ Phó Trưởng Công an xã và Công an viên thường trực ở xã): 19 người										161.232,900	
I	Huyện Ea Súp										19.399,800	
1	1 Nguyễn Thị Long		1963	Cán bộ dân vận TT Ea Súp	01/01/2010	01/12/2021	11 năm 11 tháng	0,87	6,00	1.490	7.777,800	
2	2 H' Tuyết Siu		20/10/1971	Cán bộ quản lý nhà văn hóa TT Ea Súp	01/01/2010	01/12/2021	11 năm 11 tháng	1,30	6,00	1.490	11.622,000	
II	Huyện Buôn Đôn										11.085,600	
3	3 Trần Đình Trọng	03/01/1986		Cán bộ CCHC xã Ea Bar	01/10/2016	11/09/2020	3 năm 11 tháng	1,26	2,00	1.490	3.754,800	
4	4 Trần Thị Thủy Kiều		15/03/1987	cán bộ VP ĐU xã Ea Bar	30/05/2014	01/01/2020	5 năm 7 tháng	1,64	3,00	1.490	7.330,800	
III	Huyện Krông Ana										17.105,200	
5	5 Trần Đức Trung	10/11/1988		Trưởng Ban Tổ chức Đảng xã Ea Bông	01/11/2017	01/8/2019	1 năm 9 tháng	1,64	1,00	1.490	2.443,600	
6	6 Nguyễn Thị Tâm		10/5/1972	Văn thư - Thủ quỹ xã Băng Adrênh	20/8/2003	11/12/2020	17 năm 3 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
IV	Huyện M'Drắk										35.596,100	
7	7 Trần Đình Hoài	06/11/1966		Phó Chủ tịch UBNDTTQVN thị trấn	22/11/2006	29/11/2019	13 năm	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
8	8 Đỗ Thị Thanh Nhân		19/7/1990	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ xã Cư Króa	16/8/2012	26/10/2021	9 năm 2 tháng	1,30	4,50	1.490	8.716,500	
9	9 Hâu Văn Chín	15/10/1986		Phó Chủ tịch UBNDTTQVN xã Cư San	01/8/2011	01/10/2021	10 năm 2 tháng	1,64	5,00	1.490	12.218,000	
V	TP Buôn Ma Thuột										15.823,800	
10	10 Võ Tuấn Hiền	15/10/1984		Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường Khánh Xuân	01/6/2013	30/11/2020	07 năm 05 tháng 29 ngày	1,64	3,75	1.490	9.163,500	
11	11 Nguyễn Thị Bích Tuyền		22/6/1998	Phó Bí thư Đoàn phường Khánh Xuân	01/3/2017	28/02/2020	02 năm 11 tháng	1,30	1,50	1.490	2.905,500	
12	12 Vũ Thị Phương Thảo		27/6/1993	Cán bộ chuyên trách CCHC phường Tân Lợi	25/5/2017	26/02/2021	03 năm 09 tháng	1,26	2,00	1.490	3.754,800	
VI	Huyện Krông Búk										51.427,350	
13	13 Lê Thị Tiến		25/12/1956	CT Hội Chữ Thập đỏ xã Tân Lập	30/7/2009	25/12/2020	11 năm 4 tháng	1,30	5,75	1.490	11.137,750	
14	14 Nguyễn Song Xuyên		01/01/1947	CT Hội Người cao tuổi xã Tân Lập	10/01/2010	04/02/2021	11 năm	1,30	5,50	1.490	10.653,500	
15	15 Nguyễn Thị Sen		04/04/1984	Văn thư - Thủ quỹ xã Tân Lập	20/9/2009	03/10/2021	12 năm	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
16	16 Nguyễn Thị Hương		05/01/1949	Chủ tịch hội Người Cao tuổi xã Chư Kbo	01/01/2016	01/07/2021	5 năm 6 tháng	1,30	3,00	1.490	5.811,000	
17	17 Nguyễn Quang Thành	19/02/1987		Phó CHT ban chỉ huy QS xã Chư Kbo	01/02/2014	01/05/2021	7 năm 3 tháng	1,64	3,75	1.490	9.163,500	
VII	Huyện Cư M'gar										8.917,650	
18	18 H Nuên Mlô		16/03/1984	Cán bộ chuyên trách CCHC xã Ea H'đing	01/6/2011	01/11/2020	9 năm 5 tháng	1,26	4,75	1.490	8.917,650	
VIII	Huyện Ea H'leo										1.877,400	
19	19 Nay H' Tui	02/3/1994		Cán bộ Cải cách hành chính xã Ea Hiao	06/8/2018	25/5/2020	01 năm 9 tháng	1,26	1,00	1.490	1.877,400	
B	Phó trưởng Công an xã và Công an viên thường trực ở xã nghỉ việc do bố trí Công an xã chính quy: 191 người										1.345.812,700	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh và đơn vị công tác	Thời gian bắt đầu giữ chức danh	Thời gian nghỉ việc	Số tháng, năm đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc	Mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp khu vực Tây Nguyên)	Mức hỗ trợ thôi việc	Lương cơ sở (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú	
		Nam	Nữ										
	I	Huyện Ea Súp									35.491,800		
20	1	Nguyễn Quang Anh	13/07/1972		Phó trưởng Công an xã Ya Tờ Môt	01/03/2016	01/3/2021	5 năm	1,64	2,50	1.490	6.109,000	
21	2	Nguyễn Văn Hùng	24/06/1983		Phó trưởng Công an xã Ya Tờ Môt	15/10/2011	31/12/2020	9 năm 2 tháng	1,64	4,50	1.490	10.996,200	
22	3	Đàm Quang Điều	24/8/1977		Phó Trưởng Công an xã Cư Kbang	01/02/2001	01/3/2020	19 năm 1 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
23	4	Long Văn Nuôi	22/7/1979		Công an viên thường trực xã Cư M'Lan	04/7/2014	05/8/2019	5 năm 1 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
	II	Huyện Ea H'leo									120.362,200		
24	5	Adrong Y Thỉnh	18/8/1971		Phó Trưởng Công an xã Dliê Yang	24/10/2003	07/9/2020	16 năm 10 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
25	6	Nguyễn Anh Tuấn	8/01/1976		Phó Trưởng Công an xã Dliê Yang	29/10/2004	30/12/2019	15 năm 2 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
26	7	Phạm Viết Xuân	30/10/1983		Công an viên thường trực xã Dliê Yang	01/01/2003	04/8/2020	17 năm 7 tháng	1,00	6,00	1.490	8.940,000	
27	8	Adrong Y Mbon	01/01/1988		Công an viên thường trực xã Dliê Yang	25/12/2012	30/12/2019	7 năm	1,00	3,50	1.490	5.215,000	
28	9	Lâm Văn Toàn	18/01/1988		Công an viên thường trực xã Dliê Yang	28/01/2015	30/12/2019	4 năm 11 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
29	10	Nông Văn Khánh	07/02/1984		Phó Trưởng Công an xã Ea Tір	07/7/2013	16/12/2019	6 năm 5 tháng	1,64	3,25	1.490	7.941,700	
30	11	Nông Thanh Nhân	23/4/1972		Phó Trưởng Công an xã Cư Môt	06/01/2006	27/11/2019	13 năm 10 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
31	12	Mai Hữu Tấn	15/02/1985		Phó Trưởng Công an xã Cư Môt	12/01/2016	27/11/2019	3 năm 10 tháng	1,64	2,00	1.490	4.887,200	
32	13	Vũ Văn Thức	06/02/1968		Phó Trưởng Công an xã Ea Khăl	02/11/2004	27/12/2019	15 năm 1 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
33	14	Đặng Văn Linh	28/8/1969		Công an viên Thường trực xã Ea Khăl	01/10/2013	01/10/2020	7 năm	1,00	3,50	1.490	5.215,000	
34	15	Đàm Văn Đông	15/8/1994		Công an viên Thường trực xã Ea Khăl	01/03/2016	01/11/2020	4 năm 8 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
35	16	Bản Văn Giáp	20/8/1986		Công an viên Thường trực xã Ea Hiao	13/4/2016	13/9/2019	3 năm 5 tháng	1,00	1,75	1.490	2.607,500	
36	17	Nay Vinh	20/11/1991		Phó Trưởng Công an xã Ea Sol	21/4/2017	17/7/2019	2 năm 2 tháng	1,64	1,00	1.490	2.443,600	
37	18	Nay Y Am	26/6/1985		Công an viên Thường trực xã Ea Hiao	08/10/2014	16/12/2019	5 năm 2 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
38	19	Nguyễn Văn Ca	20/6/1970		Công an viên Thường trực xã Ea Hiao	07/01/2012	16/12/2019	7 năm 11 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	
39	20	Hồ Văn Lợi	16/9/1984		Phó trưởng công an xã Ea Hiao	15/10/2013	12/11/2019	6 năm	1,64	3,00	1.490	7.330,800	
	III	Thị xã Buôn Hồ									12.292,500		
40	21	Triệu Văn Thiết	26/7/1988		Công an viên thường trực xã Ea Siên	07/01/2014	08/01/2020	6 năm	1,00	3,00	1.490	4.470,000	
41	22	Hà Văn Thiếp	05/3/1991		Công an viên thường trực xã Ea Siên	20/4/2011	08/01/2020	8 năm 8 tháng	1,00	4,50	1.490	6.705,000	
42	23	Y Ly Sa Niê	13/11/1987		Công an viên Thường trực xã Êa Drông	23/4/2018	18/10/2019	1 năm 5 tháng	1,00	0,75	1.490	1.117,500	
	IV	Huyện Krông Pắc									138.182,600		
43	24	Lê Thanh Chiến	2/5/1967		Phó trưởng Công an xã Ea Hiu	25/5/2006	12/8/2021	15 năm 02 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
44	25	Lê Quang Long	3/10/1981		Công an viên thường trực xã Ea Hiu	01/8/2014	16/9/2020	6 năm 1 tháng	1,00	3,00	1.490	4.470,000	
45	26	Hồ Văn Đào	11/6/1974		Công an viên thường trực xã Ea Hiu	17/3/2016	30/10/2020	4 năm 7 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
46	27	Y Grien Hmok	15/6/1987		Công an viên thường trực xã Ea Yiêng	1/12/2016	30/7/2020	3 năm 7 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000	
47	28	Phạm Hùng Cường	07/9/1985		Công an viên Thường trực xã Krông Buk	10/8/2008	11/5/2021	12 năm 9 tháng	1,00	6,00	1.490	8.940,000	
48	29	Bùi Thái Long	20/11/1979		Công an viên thường trực xã Ea Phê	01/04/2015	30/12/2020	05 năm, 08 tháng	1,00	3,00	1.490	4.470,000	

	STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh và đơn vị công tác	Thời gian bắt đầu giữ chức danh	Thời gian nghỉ việc	Số tháng, năm đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc	Mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp khu vực Tây Nguyên)	Mức hỗ trợ thôi việc	Lương cơ sở (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ									
49	30	Y Diêng Niê	10/11/1965		Phó Trưởng Công an xã Tân Tiến	20/1/1998	20/12/2019	21 năm 11 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
50	31	Trần Quang Sáng	02/02/1972		Phó Trưởng Công an xã Tân Tiến	20/3/2012	20/12/2019	7 năm 9 tháng	1,64	4,00	1.490	9.774,400	
51	32	Nguyễn Khánh Hoài	08/11/2000		Công an viên thường trực xã Hòa Đông	18/12/2018	17/4/2021	2 năm 3 tháng	1,00	1,25	1.490	1.862,500	
52	33	Nguyễn Thanh Bình	21/10/1983		Công an viên thường trực xã Hòa Đông	07/12/2018	20/2/2020	1 năm 2 tháng	1,00	0,50	1.490	745,000	
53	34	Nguyễn Thanh Huân	02/8/1977		Công an viên thường trực xã Ea Kly	13/01/2014	31/01/2021	7 năm	1,00	3,50	1.490	5.215,000	
54	35	Nguyễn Thăng Cường	6/6/1968		Phó trưởng Công an xã Ea Yông	03/11/2006	03/3/2020	13 năm 4 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
55	36	Bùi Huy Chương	21/6/1991		Phó trưởng Công an xã Ea Yông	15/11/2018	03/3/2020	1 năm 3 tháng	1,64	0,75	1.490	1.832,700	
56	37	Y TLung Byă	17/5/1988		Công an viên Thường trực xã Ea Yông	01/9/2011	12/7/2021	9 năm 10 tháng	1,00	5,00	1.490	7.450,000	
57	38	A Da Lê	5/12/1977		Công an viên Thường trực xã Ea Uy	11/5/2012	31/12/2020	8 năm 7 tháng	1,00	4,50	1.490	6.705,000	
58	39	Nguyễn Thanh Trang	3/10/1977		Công an viên Thường trực xã Ea Uy	11/5/2012	31/12/2020	8 năm 7 tháng	1,00	4,50	1.490	6.705,000	
59	40	Mai Trông	5/10/1964		Phó trưởng Công an xã Ea Uy	06/5/2008	01/5/2021	12 năm 11 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
60	41	Y Hôn Niê	15/6/1969		Phó trưởng Công an xã Krông Buk	25/12/2005	23/6/2021	15 năm 6 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
		V Huyện Krông Bông										42.822,600	
61	42	Lê Văn Trí	28/9/1984		Công an viên thường trực xã Hòa Thành	01/6/2017	11/01/2021	3 năm 7 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000	
62	43	Vương Hoàng Minh	10/9/1990		Công an viên thường trực xã Hòa Thành	06/11/2017	20/10/2019	1 năm 11 tháng	1,00	1,00	1.490	1.490,000	
63	44	Phạm Trường Huy	16/7/1990		Công an viên thường trực xã Hòa Thành	01/3/2013	31/8/2021	8 năm 6 tháng	1,00	4,50	1.490	6.705,000	
64	45	Y Bri Byă	29/12/1967		Phó Trưởng Công an xã Yang Mao	10/01/2007	01/11/2019	12 năm 9 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
65	46	Trần Ngọc Tuấn	10/4/1977		Công an viên thường trực xã Yang Mao	01/02/2012	01/11/2019	7 năm 9 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	
66	47	Võ Thái Quốc	22/12/1992		Phó Trưởng Công an xã Cư Kty	01/01/2013	15/5/2020	7 năm 4 tháng	1,64	3,75	1.490	9.163,500	
67	48	Đinh Thị Đạt		10/9/1991	Công an viên thường trực xã Cư Kty	01/9/2017	01/01/2020	2 năm 4 tháng	1,00	1,25	1.490	1.862,500	
		VI Huyện Krông Năng										71.609,400	
68	49	Vũ Văn Long	01/01/1971		Phó Trưởng Công an xã Phú Lộc	08/6/2012	11/7/2021	09 năm 01 tháng	1,64	4,50	1.490	10.996,200	
69	50	Mai Thành Trung	01/01/1980		Phó công an xã Dliêya	01/10/2005	17/08/2021	15 năm 10 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
70	51	Lê Văn Thắm	16/03/1968		CA viên thường trực xã Dliêya	10/05/2008	30/06/2021	13 năm 1 tháng	1,00	6,00	1.490	8.940,000	
71	52	Trần Xuân Thảo	24/11/1976		CA viên thường trực xã Dliêya	05/10/2005	30/06/2021	15 năm 8 tháng	1,00	6,00	1.490	8.940,000	
72	53	Y Cường Mlô	13/06/1987		CA viên thường trực xã Dliêya	01/6/2017	30/06/2021	4 năm	1,00	2,00	1.490	2.980,000	
73	54	Nguyễn Ngọc Vững	10/5/1977		Phó Trưởng Công an xã Ea Púk	01/7/2007	01/3/2020	12 năm 8 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
74	55	Đinh Quốc Duy	12/01/1988		Công an viên Thường trực xã Ea Puk	01/5/2013	29/3/2020	06 năm 10 tháng	1,00	3,50	1.490	5.215,000	
75	56	Sùng A Thọ	26/6/1984		Công an viên Thường trực xã Ea Dăh	29/01/2013	31/3/2020	07 năm 02 tháng	1,00	3,50	1.490	5.215,000	
		VII Huyện Buôn Đôn										54.221,100	
76	57	Nguyễn Thị Cẩm Vân		03/03/1981	Phó Trưởng CAX Tân Hòa	06/11/2017	08/11/2019	2 năm	1,64	1,00	1.490	2.443,600	
77	58	Nguyễn Bảo Quốc	20/01/1992		Phó Trưởng CAX Tân Hòa	09/08/2017	08/11/2019	2 năm 3 tháng	1,64	1,25	1.490	3.054,500	
78	59	Đào Văn Chương	12/11/1977		CAV thường trực xã Tân Hòa	09/11/2017	11/11/2019	2 năm	1,00	1,00	1.490	1.490,000	
79	60	Y Tiêm Knul	03/02/1986		Phó Trưởng CA xã Ea Bar	27/6/2008	12/10/2020	12 năm 3 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
80	61	Nguyễn Đình Chiến	10/10/1984		Phó Trưởng CA xã Ea Bar	01/4/2009	09/9/2019	10 năm 5 tháng	1,64	5,25	1.490	12.828,900	
81	62	Lương Văn Yên	02/06/1960		CAV thường trực xã Ea Bar	22/6/2011	19/9/2020	9 năm 2 tháng	1,00	4,50	1.490	6.705,000	
82	63	Nông Thị Kiều		08/02/1980	CAV thường trực xã Ea Bar	01/4/2013	19/9/2019	6 năm 5 tháng	1,00	3,25	1.490	4.842,500	

STT		Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh và đơn vị công tác	Thời gian bắt đầu giữ chức danh	Thời gian nghỉ việc	Số tháng, năm đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc	Mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp khu vực Tây Nguyên)	Mức hỗ trợ thôi việc	Lương cơ sở (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ									
83	64	Nguyễn Việt An	02/12/1989		CAV thường trực xã Ea Bar	28/7/2015	05/11/2020	5 năm 3 tháng	1,00	2,75	1.490	4.097,500	
84	65	Nguyễn Thị Lan		19/08/1990	CAV thường trực xã Ea Wer	08/04/2016	06/09/2019	3 năm 4 tháng	1,00	1,75	1.490	2.607,500	
85	66	Y Danh Niê	17/09/1989		CAV thường trực xã Ea Wer	08/11/2017	06/09/2019	1 năm 9 tháng	1,00	1,00	1.490	1.490,000	
	VIII	Huyện Cư Kuin										103.704,000	
86	67	Nguyễn Hồng Thêm	08/09/1971		Phó Trưởng Công an xã Ea Hu	22/03/2011	01/9/2019	8 năm 5 tháng	1,64	4,25	1.490	10.385,300	
87	68	Lê Văn Trọng Đức	03/6/1984		Công an viên Thường trực xã Ea Hu	15/01/2015	01/9/2019	4 năm 7 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
88	69	Nguyễn Danh Hà	30/12/1978		Công an viên Thường trực xã Ea Hu	01/6/2015	01/9/2019	4 năm 3 tháng	1,00	2,25	1.490	3.352,500	
89	70	Lộc Văn Du	17/05/1990		Phó trưởng Công an xã Cư Êwi	15/04/2016	01/10/2019	3 năm 5 tháng	1,64	1,75	1.490	4.276,300	
90	71	Nông Văn Chiến	05/05/1982		Phó trưởng Công an xã Cư Êwi	19/12/2007	01/10/2019	11 năm 9 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
91	72	Kim Hương Knul		01/01/1987	Công an viên Thường trực xã Ea Ktur	17/12/2018	01/10/2019	9 tháng	1,00	0,50	1.490	745,000	
92	73	Đặng Thế Giáp	26/07/1986		Công an viên Thường trực xã Ea Ktur	01/11/2014	01/10/2019	4 năm 11 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
93	74	Trần Văn Long	21/02/1990		Công an viên Thường trực xã Ea Ktur	03/02/2017	01/10/2019	2 năm 7 tháng	1,00	1,50	1.490	2.235,000	
94	75	Dương Ngọc Vân	04/06/1984		Công an viên Thường trực xã Cư Êwi	13/04/2017	01/10/2019	2 năm 5 tháng	1,00	1,25	1.490	1.862,500	
95	76	Y Lem Byă	1982		Phó Trưởng Công an xã Ea Bhook	23/06/2000	01/09/2019	19 năm 2 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
96	77	Phan Đức Huân	1963		Phó Trưởng Công an xã Ea Bhook	15/03/2012	01/09/2019	7 năm 5 tháng	1,64	3,75	1.490	9.163,500	
97	78	Y Hoàng Niê	14/11/1993		Công an viên thường trực xã Ea Bhook	18/07/2018	01/09/2019	1 năm 1 tháng	1,00	0,50	1.490	745,000	
98	79	Nguyễn Thị Ngân		26/09/1990	Công an viên thường trực xã Ea Bhook	02/05/2013	01/09/2019	6 năm 4 tháng	1,00	3,25	1.490	4.842,500	
99	80	Nguyễn Đông Giang	06/6/1985		Phó Trưởng Công an xã Ea Tiêu	01/4/2016	01/10/2019	3 năm 6 tháng	1,64	2,00	1.490	4.887,200	
100	81	Y Chúc Byă	#####		Phó Trưởng Công an xã Ea Ktur	24/10/2004	27/09/2019	14 năm 11 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
101	82	Vũ Đức Chiến	#####		Phó Trưởng Công an xã Ea Ktur	27/07/2011	27/09/2019	8 năm 02 tháng	1,64	4,00	1.490	9.774,400	
	IX	Huyện Krông Ana										62.818,400	
102	83	Nguyễn Ngọc Tú	19/9/1990		Phó trưởng Công an xã Ea Bông	08/5/2012	01/01/2020	7 năm 7 tháng	1,64	4,00	1.490	9.774,400	
103	84	H' Rin Bkrông		20/12/1986	Công an viên Thường trực xã Ea Bông	26/8/2013	15/10/2019	6 năm 1 tháng	1,00	3,00	1.490	4.470,000	
104	85	Y Boh Bkrông	10/11/1970		Công an viên Thường trực xã Ea Bông	10/12/2011	15/3/2020	8 năm 3 tháng	1,00	4,25	1.490	6.332,500	
105	86	Nguyễn Quang Tới	24/3/1994		Công an viên Thường trực xã Ea Bông	01/01/2017	15/03/2020	3 năm 2 tháng	1,00	1,50	1.490	2.235,000	
106	87	Nguyễn Duy Cường	08/12/1967		Công an viên thường trực xã Ea Na	01/3/2013	29/12/2020	7 năm 9 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	
107	88	Cần Ngọc Sáu Thiệu	01/9/1991		Công an viên thường trực xã Ea Na	01/10/2011	29/4/2020	8 năm 6 tháng	1,00	4,50	1.490	6.705,000	
108	89	Phạm Quốc Phương	20/03/1986		Công an viên thường trực xã Ea Na	01/11/2016	29/4/2020	3 năm 5 tháng	1,00	1,75	1.490	2.607,500	
109	90	Đinh Thị Mỹ Nhung		05/6/1996	CAV thường trực xã Dray Sáp	17/8/2017	16/9/2020	3 năm 1 tháng	1,00	1,50	1.490	2.235,000	
110	91	Phạm Văn Phước	18/09/1968		Phó công an xã Quảng Điền	19/05/2015	06/01/2020	4 năm 7 tháng	1,64	2,50	1.490	6.109,000	
111	92	Đỗ Nguyên	10/05/1988		Công an viên thường trực xã Quảng Điền	27/04/2013	01/12/2019	6 năm 7 tháng	1,00	3,50	1.490	5.215,000	
112	93	Nguyễn Văn Lịch	21/07/1987		Công an viên thường trực xã Quảng Điền	24/01/2017	01/12/2019	2 năm 10 tháng	1,00	1,50	1.490	2.235,000	
113	94	Hồ Tấn Tài	01/01/1981		Công an viên thường trực xã Quảng Điền	17/01/2012	01/12/2019	7 năm 10 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	

	STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh và đơn vị công tác	Thời gian bắt đầu giữ chức danh	Thời gian nghỉ việc	Số tháng, năm đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc	Mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp khu vực Tây Nguyên)	Mức hỗ trợ thôi việc	Lương cơ sở (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ									
114	95	Y Thê Buôn Dap	23/09/1995		Công an viên thường trực xã Băng A Drênh	13/03/2017	14/01/2021	3 năm 10 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000	
	X	Huyện Cư M'gar										275.381,800	
115	96	Lương Ngọc Đại	22/3/1984		Phó Trưởng Công an xã Quảng Hiệp	01/05/2013	01/08/2021	8 năm 3 tháng	1,64	4,25	1.490	10.385,300	
116	97	Nghiêm Thái Bảo	02/07/1995		Công an viên Thường trực xã Quảng Hiệp	01/6/2015	01/10/2020	5 năm 4 tháng	1,00	2,75	1.490	4.097,500	
117	98	Hoàng Minh Ba	08/10/1992		Công an viên Thường trực xã Quảng Hiệp	06/09/2013	01/12/2020	7 năm 2 tháng	1,00	3,50	1.490	5.215,000	
118	99	Nguyễn Hồng Nghị	03/02/1971		Phó Trưởng Công an xã Ea M'nam	01/07/2011	15/08/2021	10 năm 01 tháng	1,64	5,00	1.490	12.218,000	
119	100	Trần Minh Vương	16/08/1983		Công an viên Thường trực xã Ea M'nam	10/01/2013	08/02/2021	08 năm 01 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	
120	101	Lê Ngọc Cảnh	01/05/1965		Phó Trưởng Công an xã Cư Diê M'nhong	01/07/2010	01/07/2021	11 năm	1,64	5,50	1.490	13.439,800	
121	102	Lê Quang Hôn	09/09/1966		Phó Trưởng Công an xã Cư Diê M'nhong	01/01/2006	01/07/2021	15 năm 06 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
122	103	Nguyễn Hữu Đồi	16/04/1975		CAV Thường trực xã Cư Diê M'nhong	01/08/2011	01/07/2021	09 năm 11 tháng	1,00	5,00	1.490	7.450,000	
123	104	Y Hiu Niê	31/12/1968		CAV Thường trực xã Cư Diê M'nhong	01/07/2009	01/07/2021	12 năm	1,00	6,00	1.490	8.940,000	
124	105	Trương Trọng Tính	20/05/1985		CAV Thường trực xã Cư Diê M'nhong	01/04/2012	01/08/2019	07 năm 04 năm	1,00	3,75	1.490	5.587,500	
125	106	Y Hách Khuê	15/02/1990		Phó Trưởng Công an xã Ea Kuêh	12/09/2014	26/02/2020	5 năm 5 tháng	1,64	2,75	1.490	6.719,900	
126	107	Y Thoen Ayun	28/10/1991		Công an viên Thường trực xã Ea Kuêh	12/01/2015	26/02/2020	5 năm 1 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
127	108	Y Duyên Ê Nuôi	16/09/1988		Công an viên Thường trực xã Ea Kuêh	01/09/2017	26/02/2020	2 năm 5 tháng	1,00	1,25	1.490	1.862,500	
128	109	Vì Văn Hà	17/04/1974		Công an viên Thường trực xã Ea Drong	06/01/2012	15/07/2021	9 năm 06 tháng	1,00	5,00	1.490	7.450,000	
129	110	Y Sina Byă	30/11/1986		Phó Trưởng Công an xã Ea Tul	01/10/2012	01/8/2021	08 năm 10 tháng	1,64	4,50	1.490	10.996,200	
130	111	Y Siăng Niê	20/10/1984		Phó Trưởng Công an xã Ea Tul	01/9/2009	01/8/2021	11 năm 11 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
131	112	Y Suết Ayun	20/03/1989		Công an viên Thường trực xã Ea Tul	19/9/2011	01/5/2020	08 năm 07 tháng	1,00	4,50	1.490	6.705,000	
132	113	Y Nha Mlô	27/07/1986		Phó Trưởng Công an xã Ea Tar	10/12/2007	01/12/2020	12 năm 11 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
133	114	Đỗ Đình Thuật	25/12/1993		Công an viên Thường trực xã Ea Tar	04/05/2010	01/8/2021	11 năm 02 tháng	1,00	5,50	1.490	8.195,000	
134	115	Y Sơ Rốp Mlô	16/8/1987		Phó Trưởng Công an xã Ea H'đing	23/10/2008	01/11/2019	11 năm	1,64	5,50	1.490	13.439,800	
135	116	Võ Tấn Tú	19/10/1984		Phó Trưởng Công an xã Ea H'đing	23/5/2015	01/11/2019	04 năm 05 tháng	1,64	2,25	1.490	5.498,100	
136	117	Phạm Văn Bảy	06/3/1972		Công an viên Thường trực xã Ea H'đing	08/02/2013	04/11/2021	08 năm 08 tháng	1,00	4,50	1.490	6.705,000	
137	118	Y Dleh Mlô			Công an viên Thường trực xã Ea H'đing	10/04/2014	04/11/2021	07 năm 06 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	
138	119	Hồ Quang Toàn			Phó Trưởng Công an xã Cư M'gar	01/02/2011	25/02/2020	09 năm	1,64	4,50	1.490	10.996,200	
139	120	Phan Trần Phú	1990		Phó Trưởng Công an xã Cư Suê	01/07/2015	01/07/2019	04 năm	1,64	2,00	1.490	4.887,200	
140	121	Y Phương Eban	1987		Phó Trưởng Công an xã Cư Suê	01/07/2010	01/07/2019	09 năm	1,64	4,50	1.490	10.996,200	
141	122	Triệu Thái Nguyên	1995		Công an viên Thường trực xã Cư Suê	04/08/2017	28/06/2019	01 năm 10 tháng	1,00	1,00	1.490	1.490,000	
142	123	Trần Đình Hòa	1984		Phó Trưởng Công an xã Ea Kpam	07/04/2009	25/11/2019	10 năm 07 tháng	1,64	5,50	1.490	13.439,800	
143	124	Đinh Ngọc Hòa	22/12/1987		Phó Trưởng Công an xã Ea M'droh	17/12/2013	01/07/2019	05 năm 06 tháng	1,64	3,00	1.490	7.330,800	
144	125	Trần Văn Chung	1991		Phó Trưởng Công an xã Ea M'droh	01/06/2015	01/07/2019	04 năm 1 tháng	1,64	2,00	1.490	4.887,200	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh và đơn vị công tác	Thời gian bắt đầu giữ chức danh	Thời gian nghỉ việc	Số tháng, năm đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc	Mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp khu vực Tây Nguyên)	Mức hỗ trợ thôi việc	Lương cơ sở (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú	
		Nam	Nữ										
145	126	Bàn Tiến Phong	02/11/1968		Công an viên Thường trực xã Ea M'droh	12/08/2005	01/09/2021	16 năm	1,00	6,00	1.490	8.940,000	
146	127	Hoàng Xuân Tuyền	05/05/1964		Công an viên Thường trực xã Ea M'droh	15/10/2005	01/09/2021	15 năm 10 tháng	1,00	6,00	1.490	8.940,000	
147	128	Trần Viết Nguyên	1991		Công an viên Thường trực xã Ea M'droh	01/05/2015	01/07/2019	04 năm 2 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000	
148	129	Trần Hoài Nam	1998		Công an viên Thường trực xã Ea Kiết	23/08/2011	17/09/2019	08 năm	1,00	4,00	1.490	5.960,000	
	XI	Huyện Ea Kar										116.905,400	
149	130	Trần Văn Anh	16/4/1990		Công an viên Thường trực xã Cư Ni	17/5/2015	01/01/2020	4 năm 7 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
150	131	Nguyễn Thế Tiến	10/1/1965		Phó trưởng công an xã Cư Ni	20/8/2004	13/5/2020	15 năm 8 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
151	132	Trần Văn Khánh	04/8/1984		Phó trưởng Công an xã Cư Bông	02/01/2009	22/8/2021	12 năm 7 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
152	133	Tô Văn Luyện	24/06/1983		Phó trưởng Công an Ea Sar	10/10/2011	18/11/2021	10 năm 01 tháng	1,64	5,00	1.490	12.218,000	
153	134	Nguyễn Tường Hoàng	23/3/1989		Phó trưởng công an xã Cư Huê	12/9/2017	04/8/2020	2 năm 10 tháng	1,64	1,50	1.490	3.665,400	
154	135	Dương Ngọc Bé	28/8/1964		Phó trưởng công an xã Cư Yang	01/3/2003	11/8/2021	18 năm 5 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
155	136	Lê Đình Tuấn	14/8/1962		Phó trưởng công an xã Cư Yang	30/12/2006	11/8/2021	14 năm 7 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
156	137	Hoàng Hải Lương	17/09/1970		Phó Công an xã Cư Prông	04/01/2016	02/1/2020	3 năm 11 tháng	1,64	2,00	1.490	4.887,200	
157	138	Trương Quang Hùng	15/05/1960		Phó Công an xã Cư P rông	6/6/2007	02/1/2020	12 năm 6 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
158	139	Đàm Hữu Linh	12/05/1985		Công an viên Thường trực xã Cư Prông	01/6/2016	01/9/2019	3 năm 3 tháng	1,00	1,75	1.490	2.607,500	
159	140	Mạc Trung Cường	03/3/1992		Phó trưởng công an xã Ea Đar	25/2/2016	01/01/2020	3 năm 10 tháng	1,64	2,00	1.490	4.887,200	
160	141	Trần Lân	01/01/1966		Phó trưởng công an xã Ea Đar	14/7/2017	01/01/2020	2 năm 5 tháng	1,64	1,25	1.490	3.054,500	
161	142	Đoàn Phú Văn	10/5/1971		Phó trưởng Công an xã Ea Ô	24/12/2014	31/12/2021	7 năm	1,64	3,50	1.490	8.552,600	
	XII	Huyện M'Drăk										134.591,700	
162	143	Nguyễn Kiều Hưng	24/01/1983		Phó Công an xã Ea H'Mlay	24/01/2011	12/11/2020	9 năm 9 tháng	1,64	5,00	1.490	12.218,000	
163	144	Cao Thanh Hải	26/01/1988		Công an viên Thường trực xã Ea H'Mlay	01/12/2018	29/10/2020	1 năm 10 tháng	1,00	1,00	1.490	1.490,000	
164	145	Lê Mạnh Hùng	01/7/1987		Phó Công an xã Ea H'Mlay	08/3/2013	07/10/2019	6 năm 6 tháng	1,64	3,50	1.490	8.552,600	
165	146	Nguyễn Văn Cường	06/4/1993		Công an viên Thường trực xã Ea M'Doal	16/3/2018	13/8/2019	1 năm 4 tháng	1,00	0,75	1.490	1.117,500	
166	147	Y Ha Byă	15/4/1990		Công an viên Thường trực xã Ea Lai	05/01/2013	26/6/2020	7 năm 5 tháng	1,00	3,75	1.490	5.587,500	
167	148	Lê Văn Dũng	15/7/1991		Công an viên Thường trực xã Ea Lai	07/4/2014	26/6/2020	6 năm 2 tháng	1,00	3,00	1.490	4.470,000	
168	149	Hà Văn Cường	02/10/1986		Công an viên Thường trực xã Ea Lai	01/4/2017	26/6/2020	3 năm 2 tháng	1,00	1,50	1.490	2.235,000	
169	150	Triệu Thanh Hoan	18/2/1992		Công an viên Thường trực xã Ea Pil	01/01/2013	05/8/2020	7 năm 7 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	
170	151	Hà Thị Hoa	15/02/1993		Công an viên Thường trực xã Ea Pil	07/7/2017	03/9/2019	2 năm 1 tháng	1,00	1,00	1.490	1.490,000	
171	152	Ngô Minh Trình	16/7/1979		Phó công an xã Cư M'ta	02/4/2007	25/11/2019	12 năm 7 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600	
172	153	Y Nguyễn Alê	14/4/1988		Phó công an xã Cư M'ta	08/3/2013	25/11/2019	6 năm 8 tháng	1,64	3,50	1.490	8.552,600	
173	154	Y Nghiệp Byă	18/5/1988		Công an viên thường trực xã Cư M'ta	06/4/2015	14/02/2020	4 năm 10 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
174	155	Y Cao Bô	28/8/1989		Công an viên thường trực xã Cư M'ta	06/4/2015	14/02/2020	4 năm 10 tháng	1,00	2,50	1.490	3.725,000	
175	156	Bùi Thị Thu Hà		09/7/1992	Công an viên Thường trực xã Krông Ấ	07/01/2013	03/3/2021	8 năm 1 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	
176	157	Vi Văn Viên	25/10/1987		Công an viên Thường trực xã Krông Ấ	07/01/2013	03/3/2021	8 năm 1 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh và đơn vị công tác	Thời gian bắt đầu giữ chức danh	Thời gian nghỉ việc	Số tháng, năm đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ thời việc	Mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp khu vực Tây Nguyên)	Mức hỗ trợ thời việc	Lương cơ sở (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ									
177	158	Y Yếp Byă	19/9/1993		Công an viên Thường trực xã Krông Jing	14/4/2018	11/5/2020	2 năm	1,00	1,00	1.490	1.490,000
178	159	Võ Minh Thành	28/03/1991		Công an viên Thường trực xã Krông Jing	15/12/2017	18/5/2020	2 năm 5 tháng	1,00	1,25	1.490	1.862,500
179	160	Trần Trung Đức	08/8/1979		Công an viên Thường trực xã Cư Króa	04/4/2017	31/12/2020	3 năm 8 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000
180	161	Trần Tiến Lâm	20/5/1986		Công an viên Thường trực xã Cư Króa	06/6/2017	31/12/2020	3 năm 6 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000
181	162	Hoàng Seo Chứ	07/9/1985		Phó Công an xã Cư San	05/9/2011	18/02/2020	8 năm 5 tháng	1,64	4,25	1.490	10.385,300
182	163	Bàn Văn Nam	04/02/1997		Công an viên Thường trực xã Cư San	01/10/2018	01/04/2020	1 năm 6 tháng	1,00	1,00	1.490	1.490,000
183	164	Sùng A Sinh	07/6/1990		Công an viên Thường trực xã Cư San	13/11/2017	01/4/2020	2 năm 4 tháng	1,00	1,25	1.490	1.862,500
184	165	Sùng Seo Hờ	14/9/1994		Công an viên Thường trực xã Cư San	01/5/2013	01/01/2020	6 năm 8 tháng	1,00	3,50	1.490	5.215,000
185	166	Y Tem Hwing	10/11/1964		Phó trưởng Công an xã Ea Trang	17/8/2006	16/4/2020	13 năm 8 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600
186	167	Y Ngai Byă	28/11/1993		Công an viên Thường trực xã Ea Trang	10/01/2013	26/02/2021	8 năm 1 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000
XIII TP Buôn Ma Thuột											167.744,200	
187	168	H Drin Êban	06/02/1994		Công an viên thường trực xã Cư Êbua	10/12/2017	29/11/2019	01 năm 11 tháng	1,00	1,00	1.490	1.490,000
188	169	Nguyễn Huy Cương	17/3/1990		Phó Trưởng công an xã Ea Kao	26/01/2018	01/10/2019	01 năm 08 tháng	1,64	1,00	1.490	2.443,600
189	170	Y Quý BKrông	13/9/1982		Phó Trưởng công an xã Ea Kao	10/9/2015	01/9/2019	03 năm 11 tháng	1,64	2,00	1.490	4.887,200
190	171	Nguyễn Văn Đán	18/5/1983		Công an viên thường trực xã Ea Kao	23/5/2015	01/9/2019	04 năm 03 tháng	1,00	2,25	1.490	3.352,500
191	172	Y Mut Êban	02/02/1972		Phó Trưởng công an xã Ea Tu	20/11/2014	09/10/2019	04 năm 10 tháng	1,64	2,50	1.490	6.109,000
192	173	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	10/12/1994		Công an viên thường trực xã Ea Tu	16/4/2016	09/10/2019	03 năm 05 tháng	1,00	1,75	1.490	2.607,500
193	174	Phan Thị Thương	07/9/1969		Công an viên thường trực xã Ea Tu	01/3/2012	09/10/2019	07 năm 07 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000
194	175	Mai Tiến Vinh	06/6/1962		Phó Trưởng công an xã Hòa Khánh	02/7/2001	08/10/2019	18 năm 03 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600
195	176	Lê Hữu Lễ	20/10/1963		Công an viên thường trực xã Hòa Khánh	28/9/1998	11/10/2019	21 năm 0 tháng	1,00	6,00	1.490	8.940,000
196	177	Lê Văn Phận	17/5/1966		Công an viên thường trực xã Hòa Khánh	02/7/2001	11/10/2019	18 năm 03 tháng	1,00	6,00	1.490	8.940,000
197	178	Nguyễn Như Quang	26/10/1961		Phó Trưởng công an xã Hòa Phú	06/4/2000	30/10/2019	19 năm 06 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600
198	179	Trần Văn Thuận	01/10/1963		Phó Trưởng công an xã Hòa Phú	01/6/2000	28/02/2020	19 năm 08 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600
199	180	Phan Văn Đạt	02/10/1967		Phó Trưởng công an xã Hòa Thắng	21/4/2000	07/10/2019	19 năm 05 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600
200	181	Ngô Đức Quyền	04/5/1992		Công an viên thường trực xã Hòa Thắng	31/12/2015	11/12/2019	03 năm 11 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000
201	182	Vũ Mạnh Hùng	03/12/1975		Công an viên thường trực xã Hòa Thắng	08/01/2014	11/12/2019	05 năm 11 tháng	1,00	3,00	1.490	4.470,000
202	183	Nguyễn Văn Dưỡng	25/12/1970		Phó Trưởng công an xã Hòa Thuận	27/9/2001	08/10/2019	18 năm 0 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600
203	184	Huỳnh Phúc	09/07/1993		Công an viên thường trực xã Hòa Thuận	14/5/2012	15/5/2020	08 năm 0 tháng	1,00	4,00	1.490	5.960,000
204	185	Trịnh Quang Vũ	04/09/1997		Công an viên thường trực xã Hòa Thuận	07/9/2016	15/5/2020	03 năm 08 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000
205	186	Lê Quang Hưng	06/3/1962		Phó Trưởng công an xã Hòa Xuân	04/01/2003	08/10/2019	16 năm 09 tháng	1,64	6,00	1.490	14.661,600
206	187	Y Ciết Byă	01/5/1964		Phó Trưởng công an xã Hòa Xuân	10/9/2008	08/10/2019	11 năm 01 tháng	1,64	5,50	1.490	13.439,800
207	188	Cao Văn Tiến	20/11/1962		Công an viên thường trực xã Hòa Xuân	26/10/2012	07/10/2019	06 năm 11 tháng	1,00	3,50	1.490	5.215,000

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh và đơn vị công tác	Thời gian bắt đầu giữ chức danh	Thời gian nghỉ việc	Số tháng, năm đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc	Mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng (bao gồm cả phụ cấp khu vực Tây Nguyên)	Mức hỗ trợ thôi việc	Lương cơ sở (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Nam	Nữ									
	XIV Huyện Lắk										6.705,000	
208	189 Y Thích Nởm	16/6/1988		Công an viên Thường trực xã Đăk Liêng	01/10/2013	30/10/2019	6 năm 29 ngày	1,00	3,00	1.490	4.470,000	
209	190 Nguyễn Đăng Nam	18/10/1994		Công an viên Thường trực xã Buôn Triết	10/01/2018	31/12/2020	2 năm 11 tháng	1,00	1,50	1.490	2.235,000	
	XV Huyện Krông Búk										2.980,000	
210	191 Ngô Mạnh Hùng	09/06/1995		Công an viên thường trực xã Tân Lập	29/3/2016	01/01/2020	3 năm 9 tháng	1,00	2,00	1.490	2.980,000	
	C Các chức danh người hoạt động không chuyên trách có thời gian công tác không liên tục dôi dư (09 người)										81.011,300	
	I Huyện Ea Kar										31.051,600	
211	1 Nguyễn Sỹ Hưng	10/10/1982		Công an viên thường trực xã Ea Kmút	02/10/2013	09/11/2017	6 năm 5 tháng	1,64	3,25	1.490	7.941,700	
				Phó trưởng công an xã Ea Kmút	09/12/2017	26/3/2020						
212	2 Lý Văn Thọ	12/02/1986		Công an viên thường trực xã Ea Sar	17/6/2013	20/9/2016	8 năm 5 tháng	1,64	4,25	1.490	10.385,300	
				Phó trưởng Công an Ea Sar	20/9/2016	18/11/2021						
213	3 Hà Văn Tuyển	05/02/1983		Công an viên thường trực Ea Sar	17/6/2013	03/1/2019	7 năm 1 tháng	1,00	3,50	1.490	5.215,000	
				Công an viên thường trực xã Ea Sar	02/5/2019	14/12/2020						
214	4 Chế Văn Hiếu	05/12/1985		Công an viên thường trực xã Ea Kmút	02/10/2013	25/12/2016	8 năm 02 tháng	1,26	4,00	1.490	7.509,600	
				Phó trưởng Công an xã Ea Kmút	26/12/2016	28/02/2020						
				Cán bộ chuyển trách công tác CCHC xã Ea Kmút	01/03/2020	31/12/2021						
	II Huyện M'Drăk										14.527,500	
215	5 Trần Mạnh Hùng	13/3/1960		Phó Công an xã Cư Króa	24/11/2006	01/4/2011	9 năm 5 tháng	1,00	4,75	1.490	7.077,500	
				Công an viên Thường trực xã Cư Króa	12/11/2015	31/12/2020						
216	6 Đinh Văn Nam	26/9/1979		Cán bộ tổ chức xã Krông Á	06/8/2007	27/6/2012	9 năm 6 tháng	1,00	5,00	1.490	7.450,000	
				Phó Ban CHQS xã Krông Á	29/6/2012	07/5/2013						
				Công an viên Thường trực xã Krông Á	03/5/2017	03/3/2021						
	III Huyện Lắk										9.774,400	
217	7 Nguyễn Văn Thành	07/02/1978		Công an viên Thường trực xã Buôn Triết	01/10/2013	31/3/2017	8 năm 2 tháng	1,64	4,00	1.490	9.774,400	
				Phó Trưởng Công an xã Buôn Triết	15/4/2017	31/12/2021						
	IV Huyện Krông Búk										25.657,800	
218	8 Nguyễn Quang Hiệp	20/08/1986		Phó trưởng Công an xã Ea Sin	01/03/2008	02/05/2017	11 năm 3 tháng	1,64	5,75	1.490	14.050,700	
					20/11/2019	31/12/2021						
219	9 Đinh Hồng Sáu	28/10/1969		Công an viên thường trực xã Cư Pong	04/9/2012	28/02/2016	9 năm 3 tháng	1,64	4,75	1.490	11.607,100	
				Phó trưởng Công an xã Cư Pong	01/3/2016	31/12/2021						
	Tổng cộng (A+B+C): (19+191+9) = 219 người										1.588.056,900	